

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-PT

Ngày 18 - 10 - 2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng thế
chấp tài sản; tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Thẩm phán: Bà Từ Thị Hải Dương và ông Trần Đức Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Bà Đặng Thị Kim Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLPT- DS ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản; tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1524/2021/QĐ -PT ngày 09 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N; Địa chỉ: Số 6 Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Ngân hàng H Việt Nam. Địa chỉ: Tháp B, Hàng V, quận K, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Thanh B - Giám đốc Ngân hàng H chi nhánh Quảng Bình.

Người được ông Phan Thanh B uỷ quyền tại giai đoạn phúc thẩm: Ông Hà Đức T- Trưởng phòng quản lý rủi ro H chi nhánh Quảng Bình; Địa chỉ: Số 19 N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty TNHH P; Địa chỉ: Số 6 Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình - Người Đại diện theo pháp luật ông Lê Chí D - Giám đốc Công ty (ông D đã chết ngày 31/3/2021).

- Ông Lê Chí D; Địa chỉ: Số 6 Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh

Quảng Bình (ông D đã chết ngày 31/3/2021).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê D:

+ Bà Lê Thị N (vợ ông D), chị Lê Thị P (con ông D), chị Lê Thị C (con ông D), Đều có địa chỉ: Số 6 Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chị Lê Thị C uỷ quyền cho chị Lê Thị P tham gia tố tụng (Theo giấy uỷ quyền ngày 04/5/2021). Bà N và chị P có mặt.

- Phòng Công chức C tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: Đường Quang T, phường H (nay là phường Đ), thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Từ M - Trưởng phòng. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Đức H - Chuyên viên. Có mặt

- Bà Hoàng Thị H - Nguyên là Công chứng viên của Phòng Công chứng C, tỉnh Quảng Bình (hiện công tác tại Sở tư pháp tỉnh Quảng Bình); Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Đức H - Chuyên viên phòng Công chứng số 1, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị N - là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Lê Thị N có chồng là ông Lê Chí D - Giám đốc, Công ty TNHH P, có địa chỉ tại số 6 Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Năm 2016, ông D bị bệnh nặng về não, không nhận thức được mọi việc, không làm chủ được bản thân, cuộc sống phải có người chăm sóc. Theo yêu cầu của con gái, ngày 12/11/2019 Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã có Quyết định số 20/2019/QĐST- VDS tuyên bố ông Lê D mất năng lực hành vi dân sự và cử người đại diện theo pháp luật là con gái Lê Thị P. Thời gian gần đây bà N biết được nhà, đất mà gia đình Bà đang ở đã được thế chấp để Công ty TNHH P vay vốn tại Ngân hàng H Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Nội dung hợp đồng thế chấp nêu trên có chữ ký của người thế chấp là ông Lê Chí D và bà Lê Thị N, bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch N - Chi nhánh ngân hàng H Quảng Bình; bên vay vốn là Công ty TNHH P. Nội dung: Bên thế chấp đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,7m² đất ở, tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng, có địa chỉ tại số nhà 6 Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, đất được UBND thị xã Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 351466 ngày 03/12/2002, để đảm bảo cho Công ty TNHH P vay vốn theo các hợp đồng tín dụng mà công ty đã ký với ngân hàng hạn mức vay tối đa là 2.290.000.000 đồng. Qua xem hợp đồng thế chấp nêu trên, bà N khẳng định chữ ký và chữ viết Lê Thị N trong Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 tại mục “Bên A” và tại mục “Bên vay vốn” và trong đơn xin đăng ký thế chấp ngày 12/01/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, tại mục “Bên thế chấp” không phải do bà N ký và viết ra, bà N hoàn toàn không biết về Hợp đồng trên. Tài sản nhà và đất tại 6, đường Thường K, phường Đ,

thành phố H, tỉnh Quảng Bình là tài sản chung của vợ chồng tạo lập nên trong quá trình chung sống, là chỗ ở duy nhất để gia đình sinh sống, ngoài ra vợ chồng không có tài sản nào khác. Việc mạo danh bà để ký vào hợp đồng thế chấp tài sản này cho Công ty TNHH P vay vốn tại ngân hàng là vi phạm pháp luật về quyền tài sản của công dân được quy định trong Bộ luật dân sự và Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp số: 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, được ký giữa: Người thế chấp ông Lê Chí D và bà Lê Thị N; bên nhận thế chấp là Phòng giao dịch N - Chi nhánh Ngân hàng H Quảng Bình; bên vay vốn là Công ty TNHH P và nội dung đăng ký thế chấp ngày 13/01/2010 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H, tỉnh Quảng Bình vô hiệu; buộc Ngân hàng H Việt Nam (Chi nhánh Quảng Bình) là bên đang giữ các giấy tờ nhà đất trả lại cho bà N Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 351466, vào Sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB (H), do UBND thị xã H (nay là UBND thành phố Đồng Hới) cấp ngày 03/12/2002, đứng tên chủ sử dụng đất là Hộ ông, bà Lê Chí D và Lê Thị N; đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để quy trách nhiệm cho các cá nhân và tổ chức tham gia làm cho hợp đồng thế chấp nêu trên bị vô hiệu.

- *Bị đơn Ngân hàng Đ Việt Nam, trình bày:*

+ *Đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Công ty TNHH P có MSDN: 3100404065; Địa chỉ: 6 - Thường K - H - Quảng Bình là khách hàng có quan hệ vay vốn tại Chi nhánh D Quảng Bình - Phòng giao dịch N (nay là Ngân hàng H Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2008. Theo hồ sơ pháp lý phía công ty cung cấp cho Ngân hàng H Chi nhánh Quảng Bình, Công ty TNHH P đăng ký kinh doanh lần đầu do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/03/2007, Chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty là bà Lê Thị N. Đến ngày 08/07/2009 đăng ký thay đổi lần 1 nhưng chủ sở hữu và người đại diện của công ty không thay đổi. Đến ngày 28/01/2011 đăng ký thay đổi lần 2, với chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch kiêm giám đốc công ty là ông Lê Chí D.

Để phục vụ nhu cầu vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; ngày 11/01/2010, bà Lê Thị N và ông Lê Chí D ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 (kèm theo xác nhận cam kết của đồng chủ sở hữu là bà Lê Thị P và bà Lê Thị C) với Ngân hàng Đ Quảng Bình - Phòng Giao dịch N (nay là Ngân hàng H Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình). Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số R 351466, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã H ký ngày 03/12/2002 cấp cho hộ ông Lê Chí D và bà Lê Thị N. Hợp đồng được Công chứng ngày 12/01/2010 tại Phòng Công chứng C tỉnh Quảng Bình và được Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H ngày 13/01/2010.

Tất cả các hồ sơ liên quan về Hợp đồng thế chấp, Đăng ký giao dịch bảo đảm đều có đầy đủ chữ ký của bà Lê Thị N và ông Lê Chí D.

Hợp đồng thế chấp tài sản trên được xác lập trong thời gian bà Lê Thị N đang là chủ sở hữu, chủ tịch kiêm giám đốc Công ty TNHH P (bên vay vốn); Ngân hàng H Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình khẳng định bà Lê Thị N biết có thế chấp tài sản gia đình mình để bảo đảm nợ vay cho Công ty TNHH P tại Ngân hàng H chi nhánh Quảng Bình và Hợp đồng thế chấp được xác lập, Công chứng và Đăng ký dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, được các cơ quan chức năng có thẩm quyền công nhận. Ngày 25/9/2013, Ngân hàng đã gửi thông báo số 1762/TB-BIDV.QB ngày 19/09/2013 của D Quảng Bình về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay. Sau khi nhận được thông báo này, ngày 10/10/2013 bà Lê Thị N đã có văn bản trình bày ý kiến đối với thông báo việc xử lý tài sản bảo đảm là Quyền Sử Dụng Đất theo hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 gửi Ngân hàng H -Chi nhánh Quảng Bình, với các nội dung như sau: *“Thứ nhất, Tôi không ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình tôi với ngân hàng H Quảng Bình và các giấy tờ liên quan khác; Thứ hai, Tôi không biết chồng tôi sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để làm tài sản bảo đảm cho Công ty TNHH P vay tại Ngân hàng H Quảng Bình; Thứ ba, Tôi không đồng ý về việc Ngân hàng H Quảng Bình xử lý tài sản của gia đình theo thông báo số 1762/TB-D.QB ngày 19/09/2013; Thứ tư, Nếu Ngân hàng H tiến hành xử lý tài sản của gia đình tôi, tôi sẽ viết đơn kiện Ngân hàng H Quảng Bình về việc hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không có giá trị pháp lý, vô hiệu”*. Ngày 05/11/2013 bà N tiếp tục có văn bản trình bày như văn bản ngày 10/10/2013.

Như vậy, bà Lê Thị N đã biết tài sản chung của gia đình bà bị thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 không phải do bà ký hợp đồng thế chấp từ năm 2013 nhưng đến năm 2020 bà N mới khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng vô hiệu do đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 132 và Điều 429 Bộ luật dân sự 2015. Việc giả chữ ký bà N trong hợp đồng thế chấp làm cho hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 132 BLDS 2005 (nay tương ứng là Điều 127 Bộ luật dân sự 2015); đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Đồng thời chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc Công ty TNHH P thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, nếu không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

+ *Về phản tố và yêu cầu độc lập của Ngân hàng H Quảng Bình yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án như sau:*

Công ty TNHH P và Ngân hàng H Quảng Bình có ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 08/12/2011, thời hạn từ 08/12/2011 đến 08/12/2012. Hạn mức cho vay 6.000.000.000 đồng. Sau đó 2 bên đã ký kết các HĐTD cụ thể và được giải ngân từng lần như sau:

- + HĐ tín dụng cụ thể 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012 số tiền vay 450tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012 số tiền vay 380tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 05/2012/HĐ ngày 20/04/2012, số tiền vay 290tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 06/2012/HĐ ngày 14/06/2012, số tiền vay 200tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012, số tiền vay 600tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 08/2012/HĐ ngày 24/07/2012, số tiền vay 150tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 09/2012/HĐ ngày 06/08/2012, số tiền vay 250tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 10/2012/HĐ ngày 13/09/2012, số tiền vay 460tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 11/2012/HĐ ngày 27/09/2012, số tiền vay 500tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012, số tiền vay 400tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 13/2012/HĐ ngày 26/11/2012, số tiền vay 450tr, thời hạn vay 11 tháng.
- + HĐ tín dụng cụ thể 14/2012/HĐ ngày 05/12/2012, số tiền vay 620tr, thời hạn vay 11 tháng.

Tại các hợp đồng cụ thể đều thỏa thuận Lãi suất vay: Lãi suất cho vay trong hạn: Bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng (+) phí 3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/01lần vào các ngày 01/3, 01/6, 01/9, 01/12 hàng năm, nhưng mọi trường hợp không thấp hơn lãi suất tối thiểu (nếu có) của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất cơ cấu: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (kể cả đã được điều chỉnh) tại thời điểm nợ quá hạn...

Tổng cộng tiền vay gốc tại 12 hợp đồng cụ thể 4.750.000.000 đồng. Công ty TNHH P đã thực hiện trả lãi vay tổng cộng số tiền 238.841.248 đồng; chưa trả gốc. Hiện nay, toàn bộ dư nợ đã quá hạn, Công ty ngừng hoạt động, không có khả năng thu hồi. Số tiền gốc và lãi còn nợ tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện (16/6/2020) như sau:

Đơn vị: VND

Khế ước vay	Lãi suất	Ngày vay	Dư nợ	Lãi trong hạn	Lãi QH
53182000160471	12%	19/03/2012	450,000,000	407.718.750	197.550.000
53182000163665	12%	16/04/2012	380,000,000	344.243.056	167.706.667

53182000164215	12%	20/04/2012	290,000,000	262.711.806	127.890.000
53182000172209	11,9 %	14/06/2012	200,000,000	179.714.445	85.646.944
53182000173558	11,9 %	25/06/2012	600,000,000	539.143.334	255.651.667
53182000177611	10%	24/07/2012	150,000,000	114.416.250	53.125.000
53182000179194	10%	06/08/2012	250,000,000	190.693.750	88.055.556
53182000183821	10%	13/09/2012	460,000,000	350.876.500	159.722.222
53182000185979	10%	27/09/2012	500,000,000	381.387.500	172.638.889
53182000191356	9%	07/11/2012	400,000,000	277.543.333	122.250.000
53182000193714	9%	26/11/2012	450,000,000	312.236.250	136.350.000
53182000195118	9%	05/12/2012	620,000,000	430.192.167	187.240.000
Cộng			4.750.000.000	3.790.877.141	1.753.826.945

Để bảo đảm cho khoản vay của Công ty TNHH P tại ngân hàng H Quảng Bình, các bên bảo đảm đã thế chấp bảo lãnh các tài sản là:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 6 - Thường K, Đ, H, Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã H cấp ngày 03/12/2002. Hợp đồng được Công chứng tại Phòng Công chứng C tỉnh Quảng Bình ngày 12/01/2010 và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H ngày 13/01/2010.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2011/HĐ ngày 18/10/2011. Tài sản thế chấp là Máy đào bánh xích hiệu Komatsu PC100-3 của Công ty TNHH P, Hóa đơn GTGT số 195990 ngày 29/08/2008, Số khung PC100-19505, Số máy 6D95L-15926. Ngày 16/07/2013 ông D có báo cáo giải trình về tài sản máy đào 6D95L-15926; SK PC100-19505 đã bị xiết nợ. Ngân hàng không yêu cầu xử lý.

Hiện nay Công ty TNHH P kinh doanh bị gián đoạn, thua lỗ, không có vốn để tiếp tục hoạt động kinh doanh. Ngân hàng H đã dùng mọi biện pháp để yêu cầu Công ty TNHH P và các bên thế chấp bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ nhưng không nhận được sự hợp tác và phối hợp giải quyết. Vì vậy, ngân hàng H yêu cầu:

+ Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán ngay cho ngân hàng H toàn bộ số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên, tính đến ngày 07/5/2021 Công ty TNHH P còn nợ **Tổng cộng: 10.966.869.085** đồng, trong đó tiền gốc 4.750.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.238.987.141 đồng; lãi quá hạn 1.977.881.944 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cụ thể cho đến khi Công ty TNHH P thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng H.

+ Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án tuyên, Ngân hàng H có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 6 đường Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010, Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 6 - Thường K, phường Đ, thành phố H, Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã H cấp ngày 03/12/2002;

+ Trường hợp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 đã được công chứng tại Phòng Công chứng C tỉnh Quảng Bình bị xác định có dấu hiệu giả mạo chữ ký của bà Lê Thị N dẫn đến Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp vô hiệu (một phần hoặc toàn bộ), yêu cầu Tòa án buộc Phòng Công chứng C tỉnh Quảng Bình và ông Lê Chí D cùng những pháp nhân, cá nhân liên quan khác mà Tòa án xác định là có lỗi, phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ngân hàng H Quảng Bình số tiền tương ứng với phạm vi bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Đồng thời cũng buộc ông Lê Chí D phải dùng tài sản của mình để thực hiện nghĩa vụ theo phạm vi bảo đảm của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010.

- *Chị Lê Thị P trình bày:*

Chị P là con cả trong gia đình (có 02 chị em gái) có bố là ông Lê D - Giám đốc, Công ty TNHH P và mẹ là Lê Thị N. Do bố (ông D) bị bệnh nặng về não, không nhận thức được mọi việc, nên tại Quyết định số 20/2019/QĐST-VDS ngày 12/11/2019 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đã tuyên bố ông Lê Chí D mất năng lực hành vi dân sự và cử người đại diện theo pháp luật là Lê Thị P, để thực hiện nghĩa vụ giám hộ cho ông D.

Qua xem xét Hợp đồng thế chấp số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 quan điểm của chị P là: bà N không ký vào Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Hiện tại, ông D bị bệnh không nhận thức được và đã chết nên không khẳng định được ai là người đã mạo danh bà Lê Thị N ký trong hợp đồng thế chấp và các giấy tờ khác có liên quan của Công ty. Dù là ai ký mạo danh tên bà N trong hợp đồng thế chấp thì trách nhiệm này thuộc về các bên, gồm: Bên ký mạo danh; Bên nhận thế chấp là Ngân hàng; Công Chứng viên và Phòng Công chứng C. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã có sự vi phạm pháp luật và bị vô hiệu, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết, trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình. Trong đó trách nhiệm của cá nhân, tổ chức nào làm cho hợp đồng vô hiệu thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng H Việt Nam đối với Công ty TNHH P: Đề nghị Tòa xem xét các chứng cứ liên quan đến hợp đồng tín dụng đã ký kết buộc Công ty TNHH P trả nợ bằng tài sản có của Công ty. Bản thân chị Phương không quản lý Công ty và Công ty đã chấm dứt hoạt động từ khi ông D lâm bệnh đến nay, nên chị P không có nghĩa vụ trả nợ và cũng không có tài sản để trả nợ thay.

- Đại diện theo ủy quyền của Phòng Công chứng C tỉnh Quảng Bình và đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 12/01/2010, Công chứng viên Phòng Công chứng C đã chứng nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số công chứng: 45, quyền số 01 TP/CC - SCC/ HĐGDK được giao kết giữa bên thế chấp là ông Lê Chí D và bà Lê Thị N, địa chỉ: 6 Thường K, H, Quảng Bình, bên nhận thế chấp là Phòng Giao dịch N - Chi nhánh Ngân hàng H Quảng Bình do ông Nguyễn X, chức vụ: Giám đốc đại diện ký kết hợp đồng, bên vay là Công ty TNHH P, do bà Lê Thị N, Giám đốc Công ty đại diện ký kết hợp đồng theo đúng quy định pháp luật. Công chứng viên đã thực hiện việc công chứng Hợp đồng nói trên theo đúng quy định của pháp luật cụ thể: Khi đến yêu cầu công chứng, ông Lê Chí D, bà Lê Thị N và Công ty TNHH P đã xuất trình bản chính hồ sơ yêu cầu công chứng và Công chứng viên đã kiểm tra tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, giấy chứng minh nhân dân của ông Lê Chí D và bà Lê Thị N, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH P, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 351466 do UBND thị xã (nay là thành phố) H cấp ngày 03/12/2002 đứng tên hộ ông, bà Lê Chí D - Lê Thị N. Đồng thời, Công chứng viên đã kiểm tra nội dung các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, kiểm tra năng lực hành vi dân sự của người yêu cầu công chứng. Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, mục đích nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, chữ ký và con dấu trong hợp đồng là đúng chữ ký, con dấu của người và của tổ chức tham gia ký hợp đồng nên Công chứng viên đã chứng nhận Hợp đồng. Như vậy, Công chứng viên chứng nhận hợp đồng nói trên là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp nói trên có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan. Vì vậy, Phòng công chứng C tỉnh Quảng Bình không chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng H Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS- ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 74, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Áp dụng các Điều 688, 132, 149, 150, 429 Bộ luật dân sự 2015; Điều 184, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N về yêu cầu “tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 vô hiệu”, do bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và đã hết thời hiệu khởi kiện.

2. Đối với yêu cầu độc lập của bị đơn: Áp dụng khoản 3 Điều 78 Luật doanh nghiệp 2020; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 306 của Luật Thương mại 2005; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Điều 688, 132 của BLDS 2015; các Điều 318, 342, 343, 344, 348, 349, 350, 352, 353, 355, 471, 474, 476, 721 của BLDS 2005; các Điều 166, 167, 179 của Luật đất đai 2013 xử:

2.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H buộc Công ty THHH P phải trả cho Ngân hàng H Việt Nam số tiền 10.966.869.085 đồng (bao gồm toàn bộ nợ gốc 4.750.000.000 đồng, tiền lãi (tính đến ngày 07/5/2021) lãi trong hạn còn nợ: 4.238.987.141 đồng; lãi quá hạn 1.977.881.944 đồng).

Kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2012/HĐ ngày 19/03/2012, số 04/2012/HĐ ngày 16/04/2012, số 05/2012/HĐ ngày 20/04/2012, số 06/2012/HĐ ngày 14/06/2012, số 07/2012/HĐ ngày 25/06/2012, số 08/2012/HĐ ngày 24/07/2012, số 09/2012/HĐ ngày 06/08/2012, số 10/2012/HĐ ngày 13/09/2012, số 11/2012/HĐ ngày 27/09/2012, số 12/2012/HĐ ngày 07/11/2012, số 13/2012/HĐ ngày 26/11/2012, số 14/2012/HĐ ngày 05/12/2012.

2.2 Trường hợp Công ty TNHH P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng H có quyền chủ động hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý đối với tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 6 đường Thường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 6 - Thường K, Đ, H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R351466, vào sổ cấp 00488 QSDĐ/2362/QĐ-UB(H) do UBND thị xã H cấp ngày 03/12/2002; để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc đã vay và tiền lãi phát sinh tại các hợp đồng tín dụng cụ thể số 02/2012/HĐ ngày 19/3/2012 số tiền vay 450.000.000 đồng; 04/2012/HĐ ngày 16/4/2012 số tiền vay 380.000.000 đồng; 07/2012/HĐ ngày 25/6/2012 số tiền vay 600.000.000 đồng; 10/2012/HĐ ngày 13/9/2012 số tiền vay 460.000,000 đồng; 12/2012/HĐ ngày 7/11/2012 số tiền vay 400.000.000 đồng; Tổng cộng: tiền gốc 2.290.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng cụ thể này (tính đến ngày 07/5/2021) là: 3.163.955.528 đồng, trong đó lãi trong hạn là 2.147.224.973 đồng, Lãi quá hạn: 1.016.730.556 đồng, cùng tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc của các hợp đồng này kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi thi hành xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 21/5/2021, nguyên đơn bà Lê Thị N kháng cáo Bản án sơ thẩm số 08/2021/DS - ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các nội dung sau:

+ Tòa án sơ thẩm xác định ngân hàng H là “bị đơn” trong vụ án là không đúng vì bà Ngà chỉ “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, do đó là việc

dân sự theo quy định tại khoản 6 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Bà N khởi kiện để yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự nhưng Tòa án sơ thẩm áp dụng thời hiệu để đình chỉ yêu cầu của bà là không đúng;

+ Tòa án sơ thẩm buộc bà N phải chịu tiền chi phí giám định là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, không rút kháng cáo, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong đơn khởi kiện của bà Lê Thị N đã được Tòa án thụ lý, giải quyết thể hiện: Người khởi kiện là bà Lê Thị N và người bị kiện là Ngân hàng H Việt Nam. Nội dung khởi kiện: bà N yêu cầu Tòa án tuyên *Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 02/2010/HĐ ngày 11/01/2010 giữa bên thế chấp ông Lê Chí D - bà Lê Thị N, bên nhận thế chấp Phòng giao dịch N - Chi nhánh Ngân hàng H Quảng Bình và bên vay là Công ty TNHH P* (sau đây viết tắt là Hợp đồng số: 02/2010/HĐ) vô hiệu; buộc ngân hàng H (Chi nhánh Quảng Bình) trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho gia đình bà, ...

Theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự thì: “*Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm*”. Mặt khác về phần nội dung thì ngân hàng H (Chi nhánh Quảng Bình) là cơ quan đang trực tiếp quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của gia đình bà N và trong trường hợp nếu Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2010/HĐ không bị vô hiệu thì ngân hàng H sẽ được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Như vậy, căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung khởi kiện của bà N thì Tòa án sơ thẩm thụ lý bằng vụ án dân sự và xác định ngân hàng H là bị đơn trong vụ án là đúng quy định.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án sơ thẩm đã Trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ Công an giám định chữ ký tại các mục bên A và bên vay vốn “*Lê Thị N*” tại trang 5 của Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2010/HĐ. Tại kết luận giám định số 342/C09-P5 ngày 30/10/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *Chữ ký đứng tên “Lê Thị N” dưới các mục “bên A” và “bên vay vốn” tại trang 5 trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với*

chữ ký của Lê Thị N trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 không phải do một người cùng ký ra.

Theo kết luận giám định trên thì chứng tỏ chữ ký trong Hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2010/HĐ không phải do bà Lê Thị N ký mà đây là chữ ký giả mạo. Do xác định đây là chữ ký giả mạo nên việc Bản án sơ thẩm nhận định: “*Như vậy, ông Lê Chí D (hoặc người thứ 3 nào đó) đã giả mạo chữ ký bà N lừa dối bà N để một mình ông D đem tài sản chung của vợ chồng đi thế chấp bảo lãnh cho Công ty TNHH P vay vốn Ngân hàng; lừa dối công chứng viên chứng nhận và lừa dối Ngân hàng xác lập hợp đồng. Hợp đồng dân sự vô hiệu do bị lừa dối*”, là không đúng, bởi lẽ: Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên hoặc người thứ ba nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó. ...*”.

Do bà N không phải là người đã ký vào hợp đồng số: 02/2010/HĐ (không xác lập giao dịch) nên không thuộc trường hợp bị người khác lừa dối, mà thuộc trường hợp bị người khác giả mạo chữ ký và đây là điều mà pháp luật cấm trong giao dịch dân sự.

Điều 123 của Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Giao dịch dân sự có mục đích, nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thì vô hiệu. Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định. ...*”. Như vậy, giao dịch dân sự trên đã vi phạm điều cấm của luật theo quy định tại Điều 123 của Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 3 Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Đối với giao dịch dân sự quy định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật này thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu không bị hạn chế*”.

Do đó, việc Tòa án sơ thẩm xác định thời hiệu yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu đã hết và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N là không đúng quy định.

[3] Việc xác định chữ ký trong Hợp đồng số: 02/2010/HĐ có đúng do bà Lê Thị N ký hay không là rất quan trọng, đây là một trong những lý do để tuyên bố hợp đồng vô hiệu (hoặc không vô hiệu). Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện thì Hợp đồng số: 02/2010/HĐ được ký kết trong thời gian bà N còn giữ chức vụ giám đốc Công ty TNHH P (bà N làm giám đốc công ty TNHH P từ năm 2007 đến tháng 01 năm 2011 thì chuyển nhượng Công ty cho ông Lê Chí D) và việc ký hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2010/HĐ là nhằm bảo đảm cho Công ty TNHH P (do bà N làm giám đốc) vay vốn kinh doanh. Do đó, khi có yêu cầu giám định chữ ký thì cần yêu cầu đương sự cung cấp các mẫu chữ ký của bà N đã được đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế tại Sở Kế Hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình; chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng Công ty và các mẫu chữ ký trong các hợp đồng mà bà Lê Thị N - Giám đốc Công ty TNHH P đã ký kết (giao dịch) với khách hàng trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH P để giám định. Việc Tòa án sơ thẩm sử dụng mẫu chữ ký của bà N ở thời điểm hiện tại và một số mẫu chữ ký đã được bà N ký sau khi không còn giữ chức vụ Giám

độc Công ty TNHH P để so sánh (giám định) với chữ ký (được cho là của bà N ký) trong hợp đồng thế chấp tài sản số: 02/2010/HĐ là chưa bảo đảm chính xác.

[4] Trong vụ án này, để giải quyết sự việc một cách thỏa đáng thì Tòa án cũng cần xem xét, đánh giá ý chí của các bên như thế nào trong giao dịch trên, trong trường hợp bà N không trực tiếp ký vào Hợp đồng số: 02/2010/HĐ nhưng nếu có cơ sở xác định bà N có biết việc ký kết Hợp đồng số: 02/2010/HĐ mà vẫn không có ý kiến phản đối thì giao dịch trên không bị vô hiệu. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy việc các bên ký kết Hợp đồng số: 02/2010/HĐ là nhằm mục đích bảo đảm cho Công ty TNHH P (do bà N làm giám đốc) vay vốn để kinh doanh, đến tháng 01/2011 thì bà N mới chuyển nhượng Công ty cho ông D, trong đó ông D với bà N là vợ chồng và trụ sở Công ty TNHH P cũng đặt ngay tại nhà ở của vợ chồng tại 6 Thường K, phường Đ, thành phố H.

[5] Khi Tòa án sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị N) thì bị đơn (Ngân hàng Đ Việt Nam) trở thành nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH P) trở thành bị đơn trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án thì người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P là ông Lê Chí D - Giám đốc Công ty bị chết (ông D chết ngày 31/3/2021). Sau khi ông D chết thì việc giám hộ của chị Lê Thị P (con ông D) đối với ông D chấm dứt (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 62 của BLDS năm 2015), và sau khi ông D chết thì bà N (vợ ông D), chị Lê Thị P và chị Lê Thị C (con ông D) đương nhiên trở thành người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cá nhân ông D chứ không đương nhiên trở thành người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty TNHH P.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì: *“Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu công ty hoặc thành viên công ty.... Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự”*.

Tại khoản 7 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: *“Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, khi ông Lê Chí D chết thì Tòa án phải xác định được việc *“có hoặc không có”* người thừa kế Công ty TNHH P để đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án. Trường hợp không có người thừa kế Công ty hoặc có nhưng họ từ chối hoặc bị truất quyền thừa kế thì Tòa án phải chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng để giải quyết vụ án.

[6] Từ các chứng cứ, tài liệu và nội dung đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Lê Thị N) là không đúng, trong trường hợp này Tòa án phải giải quyết để xem xét Hợp đồng số: 02/2010/HĐ có *“vô hiệu”* hay không, trường hợp nếu hợp đồng *“vô hiệu”* thì *“vô hiệu toàn bộ”* hay *“vô hiệu một phần”*, hậu quả

của hợp đồng vô hiệu; việc thu thập mẫu chữ ký của bà N để giám định chưa bảo đảm tính chính xác. Tòa án buộc Công ty TNHH P phải trả nợ cho ngân hàng H, nhưng lại không xác minh làm rõ sau khi ông D (giám đốc Công ty) chết thì ai là người sở hữu (hoặc là người thừa kế) Công ty TNHH P để đưa vào tham gia tố tụng, hoặc chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm không thể bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm, vì vậy cần hủy bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Đối với kháng cáo của bà Lê Thị N về trách nhiệm chịu chi phí giám định sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[8] Về án phí: Án phí sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét khi giải quyết lại vụ án. Kháng cáo của bà N được chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 10/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản, tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba, yêu cầu bồi thường thiệt hại*” giữa nguyên đơn là bà Lê Thị N với bị đơn là Ngân hàng H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P, ông Lê Chí D, Phòng Công chứng C tỉnh Quảng Bình và bà Hoàng Thị H;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà Bà đã nộp tại biên lai số: AA/2020/0001944 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (18/10/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP Đồng Hới (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ